| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN HỒNG**<br>TỈNH ĐỒNG THÁP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 06/2022/DS-ST<br>Ngày: 13-6-2022<br>V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bé Hương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đào Hồng Kiệt.

Ông Đặng Thành Nam.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Công Hậu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 tháng 6, 13 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thanh S, sinh năm 1985 – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Tăng Thị L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:*

1/ Phạm Văn L, sinh năm 1971;

2/ Hà Thị Ng, sinh năm 1976 (vợ ông L).

Cùng địa chỉ: Ấp Th, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:* Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp Th, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

*(Tại phiên tòa bà L, ông L có mặt tại;*
*Bà Ng, ông Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S là bà Tăng Thị L:** Từ năm 2020 trở về trước, ông Phạm Văn L và bà Hà Thị Ng có mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) của cửa hàng do ông S đứng tên Chủ Hộ kinh doanh Thanh S nhiều lần, tính đến ngày 20-3-2020 thì ông L và bà Ng còn nợ lại ông S số tiền gốc là 113.503.000 đồng, đến ngày 13-4-2021, ông L và bà Ng có trả cho ông S được 8.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền gốc là 105.503.000 đồng, sau đó thì ông L và bà Ng không trả nữa nên ông S mới khởi kiện đến Tòa án. Khi khởi kiện ông S yêu cầu ông L và bà Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu gốc là 105.503.000 đồng, lãi là 42.201.200 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 147.704.200 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông S là bà Tăng Thị L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu ông Phạm Văn L và bà Hà Thị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu tính cụ thể như sau: Số tiền chốt nợ ngày 20-3-2020 là 113.503.000 đồng, trừ đi số tiền lãi 9.350.000 đồng thì còn lại 104.153.000 đồng tiền gốc; Đến ngày 13-4-2021, bà Ng có trả 8.000.000 đồng nên số tiền gốc lúc này là 96.153.000 đồng; Tính lãi từ ngày 21-3-2020 đến ngày 12-4-2021 hơn 12 tháng nhưng chỉ lấy tròn 12 tháng trên số tiền gốc 104.153.000 đồng, với lãi suất 0,75%/01 tháng, thành tiền là 9.373.770 đồng; Tính lãi từ ngày 13-4-2021 đến ngày xét xử (ngày 13-6-2022) là 14 tháng trên số tiền gốc 96.153.000 đồng, với lãi suất 0,75%/01 tháng, thành tiền là 10.096.065 đồng. Nên ông S yêu cầu ông L và bà Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu gốc là 96.153.000 đồng, lãi là 19.469.835 đồng (làm tròn là 19.470.000 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 115.623.000 đồng.

**Lời trình bày của bị đơn Phạm Văn L:** Từ 2020 trở về trước ông L có mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) của cửa hàng do ông S đứng tên Chủ Hộ kinh doanh Thanh S nhiều lần, tính đến ngày 20-3-2020 thì ông L còn nợ lại ông S số tiền là 113.503.000 đồng, đến ngày 13-4-2021, ông L và bà Ng có trả cho ông Sơn được 8.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền là 105.503.000 đồng. Sau đó do làm ăn thua lỗ nên đến nay ông L vẫn chưa trả cho ông S được số tiền nào nữa.

Nay qua yêu cầu của ông Trần Thanh S thì ông Phạm Văn L đồng ý cùng bà Hà Thị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu là 105.503.000 đồng, trong đó gốc là 96.153.000 đồng, lãi là 9.350.000 đồng, nhưng ông L xin trả dần hàng tháng và xin không trả tiền lãi nữa.

**Lời trình bày của bị đơn Hà Thị Ng:** Việc mua bán giữa ông S và ông L thì bà Ng không biết, nay qua yêu cầu của ông S thì bà Ng không đồng ý cùng ông L có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông S.

**Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc mua bán giữa ông S với ông L và bà Ng là có thật, sau khi khấu trừ phần tiền lãi và tiền ông L, bà Ng đã trả được là 8.000.000 đồng thì ông L và bà Ng còn nợ lại ông s số tiền gốc là 96.153.000 đồng. Ông L cũng thừa nhận còn thiếu ông S số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu nhưng ông L xin trả dần hàng tháng và xin không trả tiền lãi. Bà Ng cho rằng việc mua bán phân bón, thuốc trừ sâu giữa ông S và ông L thì bà Ng không biết nên không đồng ý cùng ông L có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho ông S. Tuy nhiên, lý lẽ của bà Ng đưa ra là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì theo biên bản ghi lời khai của bà Ng vào ngày 07-3-2022 tại bút lục số 23, 24 thì bà Ng thừa nhận có biết việc ông L mua phân bón, thuốc trừ sâu thiếu của ông S và bà Ng cùng với ông L có ký tên vào tờ cam kết trả nợ cho ông S ngày 07-12-2020 và cũng chính bà Ng là người trả cho ông S số tiền 8.000.000 đồng. Việc ông L và bà Ng không trả tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu đầy đủ cho ông S là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu của ông S là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ các điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thanh S. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Phạm Văn L, bà Hà Thị Ng trả cho ông Trần Thanh S số tiền gốc là 96.153.000 đồng và lãi suất như yêu cầu của nguyên đơn.

Không yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Hồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Hà Thị Ng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Người làm chứng Nguyễn Xuân Đ vắng mặt nhưng trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên tiến hành xét xử

vắng mặt là phù hợp quy định tại các điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Khi khởi kiện ông Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S yêu cầu ông Phạm Văn L và bà Hà Thị Ng trả cho ông Trần Thanh S số tiền mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) còn thiếu gốc là 105.503.000 đồng, lãi là 42.201.200 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 147.704.200 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông S là bà Tăng Thị L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu ông Phạm Văn L và bà Hà Thị Ng có nghĩa vụ trả liên đới cho ông Trần Thanh S số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu tính cụ thể như sau: Số tiền chốt nợ ngày 20-3-2020 là 113.503.000 đồng, trừ đi số tiền lãi 9.350.000 đồng thì còn lại 104.153.000 đồng tiền gốc; Đến ngày 13-4-2021, bà Ng có trả 8.000.000 đồng nên số tiền gốc lúc này là 96.153.000 đồng; Tính lãi từ ngày 21-3-2020 đến ngày 12-4-2021 hơn 12 tháng nhưng chỉ lấy tròn 12 tháng trên số tiền gốc 104.153.000 đồng, với lãi suất 0,75%/01 tháng, thành tiền là 9.373.770 đồng; Tính lãi từ ngày 13-4-2021 đến ngày xét xử (ngày 13-6-2022) là 14 tháng trên số tiền gốc 96.153.000 đồng, với lãi suất 0,75%/01 tháng, thành tiền là 10.096.065 đồng. Nên ông S yêu cầu ông L và bà Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông S số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu gốc là 96.153.000 đồng, lãi là 19.469.835 đồng (làm tròn là 19.470.000 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 115.623.000 đồng.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Phạm Văn L thừa nhận có thiếu ông Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S số tiền mua vật tư nông nghiệp là 105.503.000 đồng (trong đó gốc là 96.153.000 đồng, lãi là 9.350.000 đồng) nhưng ông L xin trả dần hàng tháng và xin không trả tiền lãi nữa, nên yêu cầu của ông S là có đủ căn cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *"2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Bà Ng thừa nhận có ký tên chốt nhận nợ vào ngày 20-3-2020, đến ngày 07-12-2020 cũng bà Ng có ký Giấy cam kết nợ với ông S, khi đó có người làm chứng Nguyễn Xuân Đ (là thư ký tổ hòa giải ấp Th, xã C) chứng kiến. Đến ngày 13-4-2021 thì chính bà Ng trả cho ông S số tiền 8.000.000 đồng. Do đó số tiền nợ ông S là tiền nợ chung của ông L và bà Ng, vì bà Ng là người biết rõ việc ông L mua vật tư nông nghiệp của ông S, bà Ng cùng ký nhận nợ, cam kết trả nợ với ông L và cũng chính bà Ng là người đã trả một phần nợ cho ông S.

Theo giấy chốt nợ ngày 20-3-2020 thì ông L, bà Ng còn thiếu ông S tiền mua vật tư nông nghiệp tổng cộng là 113.503.000 đồng, nhưng trong đó có tiền lãi là 9.350.000 đồng và hai bên thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng. Đến ngày 13-4-2021 thì bà Ng có trả cho ông S số tiền là 8.000.000 đồng, sau đó không trả nữa. Vì vậy, ông S yêu cầu tính lãi chậm trả với mức lãi suất 0,75%/01 tháng tương ứng với số tiền nợ gốc mà ông L, bà Ng còn thiếu và tiền lãi mà ông S

tính như trên cũng phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích trên chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh S, buộc ông Phạm Văn L và bà Hà Thị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S số tiền mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) còn thiếu gốc là 96.153.000 đồng, lãi là 19.470.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 115.623.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng) là phù hợp theo quy định tại các điều 103, 288, 357, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *"Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận"*. Trong vụ án này các bị đơn Phạm Văn L, Hà Thị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Trần Thanh S số tiền 115.623.000 đồng nên phải có nghĩa vụ liên đới chịu 5% x 115.623.000 đồng = 5.781.150 đồng (làm tròn là 5.781.000 đồng) án phí; Nguyên đơn Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S không phải chịu án phí nên được nhận lại 3.692.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Tăng Thị L nộp thay) theo biên lai thu số: 0002586 ngày 04-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

[4] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 26, 35, 39, 92, 144, 147, 227, 228, 229, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 103, 288, 357, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S.

Buộc ông Phạm Văn L và bà Hà Thị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S số tiền mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) còn thiếu gốc là 96.153.000 đồng, lãi là

19.470.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 115.623.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày 14-6-2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn L và bà Hà Thị Ng có nghĩa vụ liên đới chịu 5.781.000 đồng (Năm triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn đồng) án phí.

Ông Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông Trần Thanh S – Chủ Hộ kinh doanh Thanh S 3.692.000 đồng (Ba triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do Tăng Thị L nộp thay) theo biên lai thu số: 0002586 ngày 04-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

3. Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13-6-2022). Riêng bị đơn Hà Thị Ng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- CC THADS huyện Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Bé Hương**